

Số: 66 /2013/QĐ-UBND

Long An, ngày 24 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển Công ty nhà nước thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại;

Theo đề nghị của Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 870/TTr-TTr ngày 19 tháng 12 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại đối với các quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Giao Thanh tra tỉnh chủ trì phối hợp với các Sở ngành, địa phương tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau mười (10) ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 45/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử LA;
- Phòng NC (KT, TH, NCTCD);
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hữu Lâm

QUY ĐỊNH

Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Long An

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 66 /2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với các quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất, người có quyền và lợi ích liên quan khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân được bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế, nhưng có căn cứ cho rằng quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đó là chưa đúng quy định pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

2. Tổ chức, cá nhân bị nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế, có căn cứ cho rằng việc không được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là chưa đúng quy định pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật để khiếu nại

1. Trong trường hợp người khiếu nại là người chưa thành niên, người bị bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con đã thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ hoặc người giám hộ là đại diện để thực hiện việc khiếu nại; nếu không có người đại diện thì Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú cử người đại diện để thực hiện việc khiếu nại.

Khi thực hiện việc khiếu nại, người đại diện phải có giấy tờ hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người khiếu nại cư trú để chứng minh với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đại diện hợp pháp của mình.

Trong trường hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn cử người đại diện để khiếu nại thì phải có văn bản nêu rõ lý do, trách nhiệm của người đại diện.

Người đại diện có các quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

2. Trường hợp người khiếu nại ốm đau, già yếu, có nhược điểm về thể chất hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể tự mình khiếu nại thì được ủy quyền cho cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con đã thành niên hoặc người khác có năng lực hành vi dân sự đầy đủ để thực hiện việc khiếu nại. Người được ủy quyền chỉ thực hiện việc khiếu nại theo đúng nội dung được ủy quyền.

Việc ủy quyền phải bằng văn bản và phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú của người ủy quyền hoặc người được ủy quyền.

3. Cơ quan thực hiện quyền khiếu nại thông qua người đại diện là Thủ trưởng cơ quan. Thủ trưởng cơ quan có thể ủy quyền cho người đại diện theo quy định của pháp luật để thực hiện quyền khiếu nại.

4. Tổ chức thực hiện quyền khiếu nại thông qua người đại diện là người đứng đầu tổ chức đó được quy định trong quyết định thành lập tổ chức hoặc điều lệ của tổ chức. Người đứng đầu tổ chức có thể ủy quyền cho người đại diện theo quy định của pháp luật để thực hiện quyền khiếu nại.

5. Người khiếu nại được nhờ luật sư tư vấn về pháp luật hoặc ủy quyền cho luật sư khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Trường hợp người khiếu nại là người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật thì được nhờ trợ giúp viên pháp lý tư vấn về pháp luật hoặc ủy quyền cho trợ giúp viên pháp lý khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Quyền và nghĩa vụ của luật sư, trợ giúp viên pháp lý theo quy định tại Điều 16 của Luật Khiếu nại năm 2011.

Điều 4. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An (gọi chung là cấp huyện) giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành bị khiếu nại.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền:

a) Giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành bị khiếu nại.

b) Giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bị khiếu nại.

Điều 5. Các khiếu nại không được thụ lý giải quyết

Khiếu nại thuộc một trong các trường hợp sau đây không được thụ lý giải quyết:

1. Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong nội bộ cơ quan nhà nước để chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công vụ; quyết định hành chính, hành vi hành chính trong chỉ đạo điều hành của cơ quan hành chính cấp trên với cơ quan hành chính cấp dưới; quyết định hành chính có chứa đựng các quy phạm pháp luật do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi bí mật Nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao theo danh mục do Chính phủ quy định;

2. Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại;

3. Người khiếu nại không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ mà không có người đại diện hợp pháp;

4. Người đại diện không hợp pháp thực hiện khiếu nại;

5. Đơn khiếu nại không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại;

6. Thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng;

7. Khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần hai;

8. Có văn bản thông báo đình chỉ việc giải quyết khiếu nại mà sau 30 ngày người khiếu nại không tiếp tục khiếu nại;

9. Việc khiếu nại đã được Tòa án thụ lý hoặc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định của Tòa án, trừ quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính của Tòa án.

Điều 6. Thời hiệu khiếu nại

1. Thời hiệu khiếu nại là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đồng ý với quyết định hành chính đó thì có quyền khiếu nại.

2. Trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, dịch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại; người khiếu nại phải xuất trình giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở y tế hoặc cơ quan, tổ chức nơi người khiếu nại làm việc về trở ngại khách quan với cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

3. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, người bị thu hồi đất vẫn phải chấp hành quyết định thu hồi đất, giao đất đúng kế hoạch và thời gian đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, trừ trường hợp bị tạm đình chỉ thi hành theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Điều 7. Rút khiếu nại

Người khiếu nại có thể rút khiếu nại tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình khiếu nại và giải quyết khiếu nại; việc rút khiếu nại phải được thực hiện bằng đơn có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại; đơn xin rút khiếu nại phải gửi đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại khi nhận được đơn xin rút khiếu nại thì đình chỉ việc giải quyết và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại.

Điều 8. Cơ quan chuyên môn các cấp tham mưu giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Thanh tra huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An; Thanh tra tỉnh là cơ quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp giải quyết khiếu nại của tổ chức, cá nhân đối với các quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Trong quá trình tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp giải quyết khiếu nại, tổ chức và cá nhân được giao nhiệm vụ phải thẩm tra, xác minh cụ thể, khách quan, chính xác và công tâm để vụ việc được giải quyết đúng chủ trương, chính sách và pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 9. Nội dung quyết định giải quyết khiếu nại

1. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu phải có các nội dung sau:

- a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;
- b) Tên, địa chỉ người khiếu nại, người bị khiếu nại;
- c) Nội dung khiếu nại;
- d) Kết quả xác minh nội dung khiếu nại;
- đ) Kết quả đối thoại (nếu có);
- e) Căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại;
- g) Kết luận nội dung khiếu nại;
- h) Giữ nguyên, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; giải quyết các vấn đề cụ thể trong nội dung khiếu nại;
- i) Việc bồi thường thiệt hại cho người bị khiếu nại (nếu có);
- k) Quyền khiếu nại lần hai, quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án. Ghi rõ thời hạn khiếu nại quyết định giải quyết lần đầu để đương sự khiếu nại lên cơ quan hành chính cấp trên hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

2. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai phải có các nội dung sau:

- a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;
- b) Tên, địa chỉ của người khiếu nại, người bị khiếu nại;
- c) Nội dung khiếu nại;

d) Kết quả giải quyết khiếu nại của người giải quyết khiếu nại lần đầu;

đ) Kết quả xác minh nội dung khiếu nại;

e) Kết quả đối thoại;

g) Căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại;

h) Kết luận nội dung khiếu nại là đúng, đúng một phần hoặc sai toàn bộ. Trường hợp khiếu nại là đúng hoặc đúng một phần thì yêu cầu người có quyết định hành chính bị khiếu nại sửa đổi, hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định hành chính bị khiếu nại. Trường hợp kết luận nội dung khiếu nại là sai toàn bộ thì yêu cầu người khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan thực hiện nghiêm chỉnh quyết định hành chính;

i) Việc bồi thường cho người bị thiệt hại (nếu có);

k) Quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

Điều 10. Lập hồ sơ giải quyết khiếu nại

1. Việc giải quyết khiếu nại phải được lập hồ sơ. Hồ sơ giải quyết khiếu nại bao gồm:

a) Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại;

b) Tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp;

c) Biên bản kiểm tra, xác minh, kết luận, kết quả giám định (nếu có);

d) Biên bản tổ chức đối thoại (nếu có);

đ) Quyết định giải quyết khiếu nại;

e) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Hồ sơ giải quyết khiếu nại phải được đánh số trang theo thứ tự tài liệu và được lưu giữ theo quy định của pháp luật. Trường hợp người khiếu nại khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án thì hồ sơ đó phải được chuyển cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết khi có yêu cầu.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Mục 1

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

Điều 11. Thời hạn giải quyết khiếu nại

Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày thụ lý.

Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày thụ lý.

Điều 12. Trình tự, thủ tục giải quyết

1. Nhận đơn, thông báo về việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại:

Thanh tra cấp huyện có trách nhiệm nhận đơn khiếu nại, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra thông báo về việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại. Thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển khiếu nại đến và cơ quan thanh tra cấp huyện biết, trường hợp không thụ lý giải quyết thì phải nêu rõ lý do. Thời gian thực hiện không quá mười (10) ngày, kể từ ngày nhận đơn khiếu nại.

2. Thẩm tra xác minh, thu thập chứng cứ:

a) Chánh Thanh tra cấp huyện phân công cán bộ chịu trách nhiệm trực tiếp thẩm tra xác minh hồ sơ khiếu nại.

b) Cán bộ chịu trách nhiệm thẩm tra xác minh, cần phải tổ chức thu thập chứng cứ theo các nội dung sau:

- Nguyên nhân của việc khiếu nại.

- Nội dung khiếu nại thuộc lĩnh vực: Giá bồi thường; đo đạc sai diện tích, kê biên thiếu về đất, tài sản, hoa màu; diện tích đất, hoa màu, tài sản không được bồi thường; việc hỗ trợ, tái định cư; khiếu nại khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Trình tự, thủ tục của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi giải quyết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Yêu cầu tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cung cấp các hồ sơ, tài liệu đã làm căn cứ để ra quyết định bồi thường.

- Hoàn cảnh gia đình của người khiếu nại, người có quyền và lợi ích liên quan, số nhân khẩu, nghề nghiệp, mức sống của người khiếu nại, người có quyền và lợi ích liên quan được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Các nội dung cần thiết khác có liên quan.

c) Người có trách nhiệm xác minh có các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

3. Lập báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết:

a) Chánh Thanh tra cấp huyện có trách nhiệm lập báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh và kiến nghị hướng giải quyết khiếu nại (báo cáo phải có ký tên, đóng dấu chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem ra quyết định giải quyết.

b) Báo cáo kết quả xác minh gồm các nội dung sau đây:

- Đối tượng xác minh;

- Thời gian tiến hành xác minh;

- Người tiến hành xác minh;

- Nội dung xác minh;

- Kết quả xác minh;
- Kết luận và kiến nghị nội dung giải quyết khiếu nại.

4. Tổ chức đối thoại:

a) Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu, nếu yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau thì người giải quyết khiếu nại tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại; việc đối thoại phải tiến hành công khai, dân chủ.

b) Người giải quyết khiếu nại có trách nhiệm thông báo bằng văn bản với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức có liên quan biết thời gian, địa điểm, nội dung việc đối thoại.

c) Khi đối thoại, người giải quyết khiếu nại phải nêu rõ nội dung cần đối thoại, kết quả xác minh nội dung khiếu nại; người tham gia đối thoại có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ liên quan đến khiếu nại và yêu cầu của mình.

d) Việc đối thoại phải được lập thành biên bản; biên bản phải ghi rõ ý kiến của những người tham gia, kết quả đối thoại, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người tham gia; trường hợp người tham gia đối thoại không ký, điểm chỉ xác nhận thì phải ghi rõ lý do; biên bản này được lưu vào hồ sơ vụ việc khiếu nại.

đ) Kết quả đối thoại là một trong các căn cứ để giải quyết khiếu nại.

5. Ban hành quyết định giải quyết khiếu nại:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải ra quyết định giải quyết khiếu nại bằng văn bản. Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại xem xét, kết luận nội dung khiếu nại và căn cứ vào kết luận đó để ra quyết định giải quyết khiếu nại cho từng người hoặc ra quyết định giải quyết khiếu nại kèm theo danh sách những người khiếu nại.

6. Gửi quyết định giải quyết khiếu nại:

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định giải quyết khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần đầu có trách nhiệm gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người giải quyết khiếu nại hoặc người có thẩm quyền, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển khiếu nại đến và cơ quan Thanh tra nhà nước cùng cấp.

7. Khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính:

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 11 của Quy định này mà khiếu nại lần đầu không được giải quyết hoặc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý thì có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá bốn mươi lăm (45) ngày.

Trường hợp khiếu nại lần hai thì người khiếu nại phải gửi đơn kèm theo quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, các tài liệu có liên quan cho người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai.

b) Hết thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 11 của Quy định này mà khiếu nại lần đầu không được giải quyết hoặc người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Điều 13. Áp dụng biện pháp khẩn cấp

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, nếu xét thấy việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại sẽ gây hậu quả khó khắc phục, thì người giải quyết khiếu nại phải ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó. Thời hạn tạm đình chỉ không vượt quá thời gian còn lại của thời hạn giải quyết. Quyết định tạm đình chỉ phải được gửi cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan và những người có trách nhiệm thi hành khác. Khi xét thấy lý do của việc tạm đình chỉ không còn thì phải hủy bỏ ngay quyết định tạm đình chỉ đó.

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 14. Thời hạn giải quyết khiếu nại

1. Đối với trường hợp khiếu nại quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày thụ lý.

Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá bảy mươi (70) ngày, kể từ ngày thụ lý.

2. Đối với trường hợp khiếu nại lần đầu thì thời hạn giải quyết không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày thụ lý.

Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày thụ lý.

Điều 15. Trình tự, thủ tục giải quyết

1. Tiếp nhận và thông báo thụ lý khiếu nại:

a) Thanh tra tỉnh là cơ quan tiếp nhận khiếu nại và tham mưu giải quyết khiếu nại đối với các trường hợp theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 của Quy định này.

b) Thời gian thực hiện là không quá mười (10) ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

c) Sau khi nhận được khiếu nại, nếu thuộc thẩm quyền giải quyết thì Chánh Thanh tra tỉnh có trách nhiệm ra thông báo thụ lý đơn khiếu nại bằng văn bản cho người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đã chuyển khiếu nại đến; trường hợp không thụ lý giải quyết thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Trường hợp thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thì Chánh Thanh tra tỉnh yêu cầu Chánh Thanh tra cấp huyện chuyển toàn bộ hồ sơ giải quyết khiếu nại để xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết.

2. Lập hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết:

a) Thanh tra tỉnh phân công cán bộ xem xét nội dung đơn khiếu nại, tổ chức thẩm tra, xác minh, thu thập chứng cứ để làm rõ nội dung khiếu nại;

b) Thanh tra tỉnh lập báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

3. Tổ chức đối thoại:

a) Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu, nếu yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau thì người giải quyết khiếu nại tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại; việc đối thoại phải tiến hành công khai, dân chủ.

b) Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, người giải quyết khiếu nại tiến hành đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại, hướng giải quyết khiếu nại.

c) Việc tổ chức đối thoại thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 12 của Quy định này.

4. Đối với vụ việc khiếu nại phức tạp, nếu thấy cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng tư vấn để tham khảo ý kiến giải quyết khiếu nại lần hai.

5. Gửi, công bố quyết định giải quyết khiếu nại:

a) Trường hợp giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành:

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định giải quyết khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần đầu có trách nhiệm gửi quyết định giải

quyết khiếu nại cho người khiếu nại, thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người giải quyết khiếu nại hoặc người có thẩm quyền, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển khiếu nại đến và cơ quan Thanh tra nhà nước cùng cấp.

b) Trường hợp giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành:

- Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày có quyết định giải quyết khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần hai phải gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần đầu, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển khiếu nại đến.

- Người giải quyết khiếu nại lần hai lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai sau đây:

- + Công bố tại cuộc họp cơ quan, tổ chức nơi người bị khiếu nại công tác;

- + Niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của cơ quan, tổ chức đã giải quyết khiếu nại;

- + Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Trình tự, thủ tục các hình thức công khai quy định tại Điểm b, Khoản 5

Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ.

6. Khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính:

a) Trường hợp giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành:

- Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại Khoản 2, Điều 14 của Quy định này mà khiếu nại lần đầu không được giải quyết hoặc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý thì có quyền khiếu nại lần 2 đến Bộ trưởng quản lý ngành, lĩnh vực; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá bốn mươi lăm (45) ngày.

Trường hợp khiếu nại lần hai thì người khiếu nại phải gửi đơn kèm theo quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, các tài liệu có liên quan cho người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai.

- Hết thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại Khoản 2, Điều 14 của Quy định này mà khiếu nại lần đầu không được giải quyết hoặc người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

b) Trường hợp giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành:

Hết thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại Khoản 1, Điều 14 của Quy định này mà khiếu nại không được giải quyết hoặc người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tỉnh

1. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng

Cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc thẩm tra, xác minh, thu thập chứng cứ cho cơ quan thanh tra đề kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp giải quyết khiếu nại.

2. Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tỉnh

Phối hợp với Thanh tra tỉnh xem xét lại quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện mà đương sự còn khiếu nại. Việc thẩm định phải được tiến hành nhanh chóng để giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết khiếu nại theo đúng thời hạn quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

Các cơ quan có cán bộ, công chức là thành viên Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tỉnh; các cơ quan chuyên môn có liên quan trong việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến việc khiếu nại thuộc ngành quản lý; phối hợp với cơ quan Thanh tra khi thực hiện việc thẩm tra, xác minh, thu thập chứng cứ để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền.

Điều 18. Công tác tiếp công dân ở cấp huyện, tỉnh trong việc giải quyết khiếu nại

1. Thực hiện công tác tiếp dân theo quy định của Luật Khiếu nại và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Trụ sở Tiếp công dân tỉnh và địa điểm tiếp công dân thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tiếp, hướng dẫn người khiếu nại gửi đơn hoặc chuyển đơn đến đúng cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật; giải thích, hướng dẫn cho người dân thông hiểu các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Khen thưởng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong quá trình thực hiện công tác giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Xử lý vi phạm

a) Cá nhân, tổ chức cố ý làm trái pháp luật trong việc giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo, để kích động lôi kéo quần chúng đi khiếu nại, khiếu nại không đúng sự thật gây mất an ninh, trật tự, thiệt hại cho cơ quan Nhà nước, tổ chức, công dân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh mới đề nghị kịp thời phản ánh về Thanh tra tỉnh để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và đúng quy định pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hữu Lâm